

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện một số nội dung tại các Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XI

Thực hiện công văn số 824/HĐND-VP ngày 28/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo việc thực hiện một số nội dung tại các Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XI. Sau khi rà soát, UBND tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện kết luận của Chủ tọa kỳ họp (*phiên thảo luận - chất vấn*) tại các Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XI như sau:

I. Kỳ họp thứ Bảy - HĐND tỉnh khóa XI

1. Vấn đề chuyển rừng nghèo sang trồng cao su thời gian vừa qua trên một số diện tích đã trồng và khai hoang nhưng không có hiệu quả. Tổng cộng gần 10.000 ha (*khoảng 2.000 ha lõng phí trong 10 năm; 7.000 đến 8.000 ha trồng rồi nhưng bỏ luôn trong 7 năm gây lõng phí*). Vừa qua UBND tỉnh có hướng chỉ đạo nhưng liên quan đến các bộ, ngành, Chính phủ nên xử lý chậm, tỉnh đã có ý kiến với Trung ương và Thủ tướng để xin chủ trương chuyển đổi 10.000 ha để trồng sang loại cây khác, trồng cây gì sẽ do doanh nghiệp đề xuất. Sau đó trồng lại rừng theo đề xuất “một trồng ba”. Những nội dung còn lại (thủ tục), đề nghị UBND tỉnh và các sở ngành抓紧商讨 giải quyết, xử lý càng nhanh càng tốt để có hiệu quả trong chuyển đổi cây trồng.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

- Về hướng chỉ đạo những liên quan đến bộ, ngành, Chính phủ để xin chuyển đổi 12.039 ha cây cao su bị chết, kém phát triển đã được Chính phủ, Bộ nông nghiệp và PTNT cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cụ thể:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các doanh nghiệp lập dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng các loài cây nông nghiệp, công nghiệp khác; trồng thử nghiệm một số loài cây công nghiệp, cây ăn quả để đánh giá kết quả trước khi phê duyệt dự án để triển khai trên diện rộng. Tuy nhiên, việc lựa chọn loài cây, triển khai trồng thử nghiệm đòi hỏi phải thời gian thử nghiệm dài, cây cho thu hoạch mới có đánh giá được mức độ thành công của mô hình. Do đó, đến nay, một số doanh nghiệp vẫn đang triển khai lựa chọn loài cây trồng phù hợp và tiến hành trồng thử nghiệm, chưa có đánh giá được các mô hình thành công.

Hiện nay, một số dự án xin chuyển đổi sang đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời trên diện tích cây cao su bị chết, kém phát triển chưa được điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch điện lực, quy hoạch sử dụng đất nên chưa thể triển khai.

- Việc trồng lại rừng theo đề xuất “một trồng ba”.

Theo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 6927/BNN-TCLN ngày 06/9/2018 và Văn bản số 2515/BNN-TCLN ngày 10/3/2020 về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Gia Lai, việc chuyển đổi diện tích cao su bị chết, kém phát triển trên đất trước đây là đất có rừng sang trồng các loài cây khác không phải mục đích lâm nghiệp thì phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất

sang mục đích khác, đồng thời phải thực hiện trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Tại Điều 21 và khoản 3, Điều 108 Luật Lâm nghiệp 2017 quy định: Đối với các dự án thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện giải phóng mặt bằng trước khi Luật này có hiệu lực, phải trồng rừng thay thế theo quy định tại Điều 21 Luật này (*trồng rừng thay thế bằng diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển đổi đối với rừng tự nhiên*).

Do diện tích trồng cao su trên đất rừng nghèo đã được giải phóng mặt bằng và triển khai từ năm 2012 trở về trước (*trước rất xa ngày Luật Lâm nghiệp có hiệu lực thi hành*). Trong 12.039 ha cao su bị chết và kém phát triển có 3.826,4 ha đã ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2008, diện tích này theo ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp tại Văn bản số 89/TCLN-KL ngày 20/01/2020 được thống kê là rừng trồng. Diện tích còn lại 8.212,6 ha phải ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng tại thời điểm doanh nghiệp trình dự án (vì diện tích này trước đây mới chỉ chuyển đất lâm nghiệp sang trồng cao su). Đối chiếu với Điều 108 của Luật Lâm nghiệp và ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp đã nêu trên thì việc chuyển đổi từ rừng trồng cao su sang các loài cây khác cũng cần có ý kiến thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong điều kiện hiện nay, các doanh nghiệp đang thực hiện việc trồng khảo nghiệm chưa có kết quả, khó khăn vì nợ ngân hàng, nên tiến độ triển khai rất chậm. Văn bản số 2515/BNN-TCLN ngày 10/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời rất chung chung là áp dụng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017; thời gian đến, UBND tỉnh sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thống nhất việc áp dụng các điều kiện chuyển tiếp phù hợp nhất.

- Những nội dung còn lại (thủ tục), đề nghị UBND tỉnh và các sở, ngành khẩn trương giải quyết, xử lý càng nhanh càng tốt để có hiệu quả trong chuyển đổi cây trồng.

Qua kết quả kiểm tra thực tế và quan sát nhanh của đoàn kiểm tra cho thấy các diện tích cao su bị chết và kém phát triển phát sinh thêm từ 2018 đến nay là 3.463,2 ha mà các doanh nghiệp đề xuất chuyển đổi sang các dự án khác đều tương tự như các diện tích khác trong vùng dự án đã được Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá trước đây.

Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giải quyết khó khăn, thay đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí nguồn tài nguyên đất đai, sớm thu hồi vốn đầu tư, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc cơ cấu lại diện tích cao su trên địa bàn tỉnh để trình xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương chỉ đạo xử lý.

2. Về đề xuất xây dựng Bệnh viện thành phố Pleiku, HĐND tỉnh giao UBND tỉnh nghiên cứu đề xuất tìm nguồn, tìm vốn và vị trí để có kế hoạch đầu tư. Đề xuất vị trí có thể tại Bệnh viện 331 ở phường Yên Thế, thành phố Pleiku.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Bệnh viện thành phố Pleiku không có trong kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 – 2020. Tỉnh đã khảo sát nhiều địa điểm để bố trí trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Trong đó, có vị trí là Bệnh viện 331 và đang nghiên cứu vị trí đất sẽ thu hồi Công ty cao su Chư Păh. Ngoài ra, trong giai đoạn 2021-2025: UBND tỉnh đang

xem xét đề xuất Ban Thường vụ đề đề xuất Chính phủ đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai để khám chữa bệnh cho nhân dân 13 tỉnh thuộc khu vực tam giác phát triển, quy mô bệnh viện 1.200 giường, dự kiến tổng mức đầu tư 4.269,748 tỷ đồng từ nguồn vốn ODA, trong đó vốn đối ứng ngân sách địa phương 592,348 tỷ đồng và vốn nước ngoài 3.677,4 tỷ đồng (gồm: đưa vào cân đối ngân sách trung ương 2.206,44 tỷ đồng và vay lại 1.470,96 tỷ đồng). Trường hợp được Trung ương chấp thuận đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa quốc tế thì đề xuất chuyển Bệnh viện đa khoa tỉnh thành Bệnh viện thành phố Pleiku.

3. Việc rà soát, phân loại 03 loại rừng đã xong, tuy nhiên đến nay sau 03 năm thực hiện, đất của cơ quan, của dân vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu theo Luật không được thực thi. HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo khẩn trương và giải quyết dứt điểm trong năm 2019 (*cả xã Hà Đông và 2 làng đồng bào DTTS của xã Đăk Sơ Mei, Đak Đoa không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

- Để triển khai công tác kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định nằm ngoài ranh giới quy hoạch 03 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện, hướng dẫn địa phương triển khai các thủ tục để cấp GCNQSD đất theo đúng quy định. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm đầu tư kinh phí đo đạc bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất tổ chức kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình cá nhân, cụ thể:

+ Đối với diện tích đất nhân dân đang sử dụng trước đây thuộc quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Gia Lai nay được rà soát điều chỉnh nằm ngoài diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh mà diện tích đất Nhà nước chưa giao cho các BQL rừng, Công ty lâm nghiệp và các tổ chức khác quản lý, sử dụng (đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý), thì thực hiện xét duyệt, cấp GCNQSD đất cho người đang sử dụng đất ổn định, phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

+ Về nội dung này, tại buổi làm việc ngày 02/6/2020 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh Giám sát UBND tỉnh về “*Tình hình cấp giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh*”, đại diện Đoàn Giám sát cũng cho rằng Quyết định 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Gia Lai thực hiện theo Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12/12/2007 của HĐND tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 13. Nội dung Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh còn thiếu sót do chưa có nội dung thay thế Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh dẫn đến Quyết định 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Gia Lai vẫn còn hiệu lực.

- Đối với 02 xã (xã Hà Đông và xã Đăk Sơ Mei, huyện Đak Đoa): Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường: Trong năm 2019, UBND huyện Đak Đoa đã đầu tư kinh phí, hợp đồng với đơn vị tư vấn đo đạc (Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường), đo đạc lập bản đồ địa chính tại 02 xã (Hà

Đông và xã Đăk Sơ Mei), đến nay đơn vị tư vấn đã hoàn thành công tác kê khai đăng ký và bàn giao hồ sơ cho UBND cấp xã xét duyệt để cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất.

4. HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc Công ty cổ phần BOT& BT Đức Long Gia Lai hoàn trả đường địa phương bị hư hỏng khi làm Quốc lộ 14.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Sau khi dự án Đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) do Công ty cổ phần BOT và BT Đức Long thực hiện hoàn thành, để đảm bảo việc đi lại thông suốt cho người dân UBND tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải đề nghị sửa chữa hoàn trả 05 tuyến đường bị hư hỏng do thi công đường Hồ Chí Minh.

Trong năm 2018, Vụ Kế hoạch - Đầu tư (Bộ Giao thông vận tải) tiếp tục kiểm tra thực trạng các tuyến kết nối với đường Hồ Chí Minh, qua đó Bộ Giao thông vận tải đã rà soát và chỉ lựa chọn 03 tuyến đường để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí vốn để thực hiện sửa chữa, gồm: Đường liên huyện Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê; Đường liên xã Ia Pal - xã Dun, huyện Chư Sê; Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Pleiku. Riêng đối với 02 tuyến còn lại: đường Lê Đại Hành - Lý Thái Tổ - Lê Thánh Tôn (thành phố Pleiku) đã được Công ty cổ phần BOT và BT đã thực hiện sửa chữa trong năm 2016 bằng nguồn vốn BOT; tuyến Đường Võ Thị Sáu (huyện Chư Sê) đã được UBND huyện Chư Sê thi công sửa chữa trong năm 2019.

Đối với 03 tuyến đường đã được Bộ Giao thông vận tải thống nhất sửa chữa cải tạo đến nay vẫn chưa được bố trí vốn để thực hiện. Ngày 10/10/2019, Bộ Giao thông vận tải có văn bản số 9594/BGTVT-KHĐT, trong đó trả lời các tuyến này vẫn chưa được bố trí vốn. Đến nay tình hình thực hiện 03 tuyến đường như sau:

- Đường liên xã Ia Pal - xã Dun, huyện Chư Sê: Trong năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 giao cho UBND huyện Chư Sê thực hiện năm 2019 - 2020; hiện đang triển khai các thủ tục để thi công hoàn thành trong năm 2020.

- Đường liên huyện Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê: Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 08/5/2020, hiện tại đơn vị tư vấn thiết kế đang tiến hành khảo sát lập dự án đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

- Đường Nguyễn Chí Thanh: UBND tỉnh đã có Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 xuất ngân sách tạm cấp một phần kinh phí để triển khai một số dự án cấp bách. Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành các thủ tục để trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

II. Kỳ họp thứ Mười một - HĐND tỉnh khóa XI

1. Về chất vấn ông Võ Ngọc Thành - Chủ tịch UBND tỉnh của ông Dương Văn Tuấn, đại biểu HĐND tỉnh đơn vị huyện Chư Sê: "Dự án đường Nguyễn Văn Linh - Pleiku đã được phê duyệt từ 2009 đến nay đã 10 năm, vẫn chưa triển khai đã ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm trạng xã hội của những người dân có liên quan.

- Tại sao đã 10 năm dự án vẫn chưa được triển khai?

- Trách nhiệm của đồng chí trong việc chậm trễ này như thế nào? Dự án này có tiếp tục được triển khai nữa không? Nếu có triển khai thì khi nào?

- Đồng chí cho cù tri biết các giải pháp nào để dự án đường Nguyễn Văn Linh sẽ được thực hiện?"

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Tại Kỳ họp thứ 11- HĐND tỉnh khóa XI, UBND tỉnh nhận được văn bản số 782/HĐND-TH ngày 09/12/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về đề nghị trả lời chất vấn và phiếu chất vấn của ông Dương Văn Tuấn, đại biểu HĐND tỉnh khóa XI đơn vị huyện Chu Sê liên quan đến dự án đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Pleiku. Chủ tịch UBND tỉnh đã trả lời trực tiếp và có tại văn bản số 2811/UBND-KTTH ngày 10/12/2019 đã gửi đến Thường trực HĐND tỉnh tại kỳ họp. Hiện UBND thành phố Pleiku đang triển khai việc ứng kinh phí từ Quỹ Phát triển đất tỉnh, sử dụng nguồn đầu giá quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; UBND tỉnh dự kiến đưa dự án đường Nguyễn Văn Linh vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để trình HĐND tỉnh xem xét.

2. Về các nội dung thảo luận:

2.1. Thời gian qua, công tác quản lý bảo vệ rừng chưa hiệu quả; tình trạng cháy rừng, phá rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn diễn ra khá phổ biến; tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với việc thực hiện các kiến nghị về quản lý, bảo vệ rừng qua giám sát của HĐND chưa cao. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh và lãnh đạo các cấp, các ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý, đồng thời xử lý dứt điểm những tồn tại nêu trên.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Triển khai thực hiện các kết luận của Chủ tọa kỳ họp (*phiên thảo luận- chất vấn*) tại các Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XI, trong những năm qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt; các sở, ngành chức năng, chính quyền địa phương, đơn vị chủ rừng (nhất là người đứng đầu) đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng và thu được những kết quả nhất định. Số lượng, quy mô các vụ vi phạm đã giảm đáng kể qua các năm, các vụ vi phạm phát hiện đều được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh sau giám sát của HĐND tỉnh gặp nhiều khó khăn. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn còn xảy ra tại địa bàn các huyện như: Kbang, Mang Yang, Đak Đoa, Ia Pa, Krông Chro, Krông Pa; cháy rừng xảy ra tại địa bàn các huyện Chu Sê, Ia Grai, Chu Păh và thành phố Pleiku. Để xảy ra tình trạng vi phạm nêu trên, ngoài các nguyên nhân khách quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, còn có nguyên nhân chủ quan thuộc trách nhiệm của một số cấp, ngành, đơn vị chủ rừng trong tỉnh.

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh thanh tra 18 đơn vị chủ rừng (15 ban quản lý rừng, 3 công ty lâm nghiệp). Kết quả thanh tra đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý 08 vụ; xử lý kiểm điểm, rút kinh nghiệm 04 tập thể và 68 cá nhân; xử lý kỷ luật hình thức cho thôi việc 01 người, cảnh cáo 9 người, khiển trách 14 người. Do vậy, tình hình vi phạm lâm luật được ngăn chặn, xử lý kịp thời. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, số lượng cán bộ nhân viên quản lý bảo vệ rừng mỏng, một số địa phương, đơn vị được giao quản lý bảo vệ rừng trách nhiệm chưa cao; trách nhiệm quản lý địa bàn và sự phối hợp của một số địa phương với các đơn vị và các ngành liên quan chưa thật chặt chẽ. Do đó, tình hình vi phạm lâm luật vẫn còn xảy ra.

Tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu HĐND tỉnh, thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành liên

quan, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, trong đó tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch số 3671/KH-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng được giao; chủ động, tích cực tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp với nhiều nội dung, hình thức phong phú nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Tiến hành sơ kết công tác phối hợp giữa các địa phương, cơ quan chức năng, đơn vị chủ rừng trong tỉnh và giữa tỉnh ta với các tỉnh bạn nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác quản lý tạm trú, tạm vắng kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các đối tượng từ nơi khác đến cấu kết, lôi kéo, xúi giục người dân tại địa phương phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các loại xe hết niên hạn sử dụng, xe không có giấy tờ hợp pháp, xe độ ché, thay đổi kết cấu tham gia giao thông, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

- Điều tra, xử lý các vụ án hình sự về lâm nghiệp đã khởi tố để sớm đưa ra xét xử nhằm giáo dục, răn đe phòng ngừa chung, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm có hành vi manh động, gây rối, chống người thi hành công vụ.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã, huyện trong công tác quản lý bảo vệ rừng ở địa phương.

Công tác quản lý bảo vệ rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo cơ quan các cấp là rất quan trọng; trách nhiệm của các đơn vị trực tiếp quản lý bảo vệ rừng rất lớn trong việc phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện công tác bảo vệ rừng (nội dung này đã được thể hiện rõ tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư, Chương trình số 38-CTr-TU ngày 29/3/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ rừng).

2.2. Công tác cải cách hành chính của tỉnh chưa đạt kết quả cao, do việc phối hợp để giải quyết những vấn đề vướng mắc khi triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương chưa đồng bộ và trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện chưa cao. Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu ban hành quy chế phối hợp và có giải pháp nhằm cải thiện chỉ số cải cách hành chính trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

a) Kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2019, tỉnh Gia Lai tăng 09 bậc về vị trí xếp hạng (Năm 2018: xếp hạng ở vị trí thứ 50/63; năm 2019: xếp hạng ở vị trí thứ 41/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); so với các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Gia Lai xếp hạng ở vị trí thứ 02 sau tỉnh Lâm Đồng. Chỉ số cải thiện môi trường đầu tư tăng đáng kể từ 43/63 năm 2017 lên 33/63 năm 2018 và 30/63 năm 2020. Đây là một sự nỗ lực rất lớn, vì so với các tỉnh khác trong khu vực Tây Nguyên, Gia Lai ít có lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng cũng như các thế mạnh khác để phát triển kinh tế, xã hội, điều này ảnh

hường không ít đến việc nâng cao chất lượng phục vụ công vụ, hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, công tác cải cách hành chính của tỉnh được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc của người đứng đầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng lòng, quyết tâm bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành nên đã thu được nhiều kết quả tích cực, từng bước nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính diễn ra trên tất cả các khâu của quá trình quản lý và phải được thực hiện một cách đồng bộ, là một quá trình lâu dài, liên tục, đồng thời, nhằm nâng cao vị trí xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong những năm tiếp theo, đòi hỏi các cấp, các ngành phải không ngừng nỗ lực, quyết tâm cao để cùng triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung về cải cách hành chính của tỉnh. Qua đó, trong triển khai công tác cải cách hành chính của tỉnh còn có một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém gây ảnh hưởng đến chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Hầu hết, các tồn tại, hạn chế trong chỉ số cải cách hành chính năm 2018 đã được khắc phục; tuy nhiên, một số tồn tại, hạn chế mang tính khách quan, cần có thời gian dài để khắc phục tốt hơn như:

- Việc giải quyết thủ tục hành chính còn để xảy ra tình trạng trễ hẹn.
- Còn nhiều sở, ngành và UBND cấp huyện có cơ cấu chưa hợp lý về số lãnh đạo và công chức chuyên môn tại các đơn vị cấp phòng. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức còn chưa nghiêm (năm 2019, có 128 cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật); tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã chưa đạt 100%.
- Việc thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền chưa đạt; việc tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách còn thấp; còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, sai phạm về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm, tỷ lệ thủ tục hành chính đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) còn thấp.
- Tỷ lệ tăng doanh nghiệp thành lập mới trong năm chưa đạt yêu cầu; thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh vượt chỉ tiêu theo Kế hoạch được Chính phủ giao nhưng không vượt tỷ lệ yêu cầu; thực hiện không đạt 100% các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

Những tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân như:

- Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh liên tục thay đổi dẫn đến tỉnh chưa chủ động được trong việc triển khai thực hiện nên nhiều tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt yêu cầu hoặc tài liệu kiểm chứng chưa đủ tính thuyết phục Hội đồng thẩm định của Bộ Nội vụ.

- Các cơ quan chức năng qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và kết luận về một số sai phạm tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, mặc dù các cơ quan, đơn vị đã

nghiêm túc khắc phục kịp thời nhưng Bộ Nội vụ vẫn lấy lý do thời điểm phát hiện sai phạm trong năm đánh giá nên vẫn trừ điểm tại một số tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Việc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính vẫn được triển khai hàng năm và cung cấp tài liệu kiểm chứng như các năm trước đã được Hội đồng thẩm định chấp nhận nhưng năm 2019, Hội đồng thẩm định thay đổi cách đánh giá đã gây mất một số điểm nhất định của tỉnh.

Như vậy, ngoài những tiêu chí, tiêu chí thành phần khó thực hiện đã nêu ở trên thì các tồn tại, hạn chế trong chỉ số cải cách hành chính năm 2018 đã được khắc phục và qua công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2019, Hội đồng thẩm định của Bộ Nội vụ đã chỉ ra nhiều tồn tại, hạn chế khác mà các cơ quan, đơn vị, địa phương lâu nay vẫn cho rằng mình làm tốt và những tồn tại, hạn chế chỉ được chỉ ra sau khi công bố chỉ số cải cách hành chính. Do vậy, UBND tỉnh không ban hành quy chế phối hợp mà thay vào đó, sau khi Bộ Nội vụ công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2018, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm để đánh giá, rút kinh nghiệm và chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính nói chung và trong chỉ số cải cách hành chính nói riêng. Đồng thời, UBND tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp để nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, cụ thể:

- Năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao hàng năm (Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 16/6/2017), được kiện toàn và bổ sung qua từng năm (Tổ công tác); số lượng Tổ công tác đến nay là 17 thành viên. Tổ công tác hàng năm đều xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể; tổ chức kiểm tra theo kế hoạch. Kết thúc đợt kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra. Qua đó, đề nghị đơn vị, địa phương được kiểm tra phát huy những kết quả đạt được, tập trung khắc phục những tồn tại, những nhiệm vụ quan trọng do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Kết quả kiểm tra từ năm 2017-2019: kiểm tra được 22 đơn vị, địa phương.

- Ngày 05/8/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ban hành quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong thi hành công vụ trên địa bàn tỉnh;

- Ngày 14/10/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày về ban hành Kế hoạch duy trì, nâng cao chỉ số cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2019 và những năm tiếp theo (thay thế Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh);

- Ngày 24/6/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 342/QĐ-UBND về phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia năm 2020.

b) Về nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện chỉ số cải cách hành chính trong năm 2020 và những năm tiếp theo:

UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; đánh giá, rút kinh nghiệm Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cần nghiêm túc nhìn nhận kết quả thực hiện và trách

nhiệm trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao; duy trì và phát huy những mặt đã đạt được, đồng thời quán triệt, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm để khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời triển khai thực hiện một số nhiệm vụ nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính trong những năm tiếp theo như:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoàn thành đúng tiến độ 100% các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm,...

- Sở Nội vụ thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện, bảo đảm đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; thường xuyên theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch,...

- Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp kỹ thuật để tăng cường đảm bảo về an toàn và an ninh thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó trọng tâm là thu hút đầu tư của tỉnh, đảm bảo tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm đánh giá cao hơn so với năm trước liền kề,..

- Sở Tài chính tham mưu ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình theo Khoản 2, Điều 14, Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ,...

2.3. Giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ đầu tư thiếu quyết liệt, còn chủ quan, ý lại; UBND cấp xã thực hiện một số dự án thuộc chương trình MTQG không đủ năng lực,.. Đề nghị UBND tỉnh tăng cường giám sát, có biện pháp đối với các nhà thầu, chủ đầu tư chậm tiến độ, đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân vốn năm 2019 đảm bảo đúng quy định.

Kết quả thực hiện:

Năm 2019, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công tại các văn bản số 351/UBND-KTTH ngày 18/02/2019; số 584/UBND-KTTH ngày 20/3/2019; số 930/UBND-KTTH ngày 06/5/2020; số 1527/UBND-KTTH ngày 09/7/2019, số 1624/UBND-KTTH ngày 29/7/2019; số 2082/UBND-KTTH ngày 20/9/2019; số 2470/UBND-KTTH ngày 06/11/2019; số 2713/UBND-KTTH ngày 28/11/2019, nên kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 là 2.843,63/3.371,7 tỷ đồng, đạt 84,3% kế hoạch, cao hơn năm 2018 (giải ngân đạt 82,7% kế hoạch).

Số vốn chưa giải ngân hết đã chuyển sang năm 2020 thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 101 của Luật Đầu tư công năm 2019.

2.4. Theo kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương việc triển khai mua sắm tập trung không hiệu quả, chậm thực hiện, chất lượng hàng không đảm bảo, công tác bảo hành không đạt yêu cầu. Đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, chấn chỉnh và chỉ định mua sắm tập trung đối với một số mặt hàng phù hợp.

Kết quả thực hiện:

- Về ban hành quy định mua sắm tập trung: Việc thực hiện mua sắm tập trung là theo quy định của Chính phủ (trước đây là QĐ 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016, nay là NĐ 151/2017/NĐ-CP); danh mục mua sắm tập trung thực hiện theo NĐ 63/2014/NĐ-CP quy định thực hiện Luật Đấu thầu (*danh mục MSTT đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: a) Số lượng lớn hoặc chủng loại được sử dụng phổ biến tại nhiều cơ quan, đơn vị. b) Có yêu cầu tính đồng bộ, hiện đại*). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể: Ngày 12/5/2016 UBND tỉnh ban hành quyết định quy định 18 danh mục tài sản mua sắm tập trung. Ngày 24/10/2016 UBND tỉnh ban hành QĐ 798/QĐ-UBND thay thế QĐ 317/QĐ-UBND ngày 12/5/2016; theo đó quy định 04 danh mục mua sắm tập trung gồm: *Máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương; Máy điều hòa nhiệt độ; Máy photocopy; Bàn ghế học sinh các cấp.*

- Về quy trình thực hiện mua sắm tập trung:

+ Hàng năm, đơn vị mua sắm tập trung (là Ban Quản lý DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tinh) có văn bản đề nghị các sở, ngành chuyên môn cho ý kiến về việc xây dựng thông số, cấu hình máy móc thiết bị cần mua sắm tập trung (Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo...). Sau đó thuê các đơn vị tư vấn được Bộ Tài chính công nhận về năng lực hành nghề để xây dựng dự toán mua sắm theo thông số đã được các ngành thống nhất đề xuất, để đảm bảo chất lượng và tính đồng bộ của thiết bị; đồng thời có văn bản hướng dẫn các sở, ngành, địa phương đăng ký danh mục mua sắm tập trung. Sau khi tổng hợp, xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm, trình Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, đăng tải thông tin, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà thầu đúng theo quy định.

+ Đơn vị mua sắm tập trung ký thỏa thuận khung với đơn vị trúng thầu; từng đơn vị, địa phương trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản và thanh toán tiền với đơn vị trúng thầu; trong hợp đồng mua sắm của các đơn vị, địa phương có quy định giữ lại 5% bảo hành, thời gian 12 tháng. Do vậy, công tác bảo hành thuộc quyền và trách nhiệm của đơn vị, địa phương mua tài sản, không thuộc đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh. Ngoài ra, trong thỏa thuận khung đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh cũng có quy định giữ lại 5% bảo hành, thời gian 12 tháng; đồng thời, đơn vị mua sắm tập trung thường xuyên cử cán bộ đi kiểm tra và có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện công tác bảo hành theo quy định; kịp thời đề nghị khắc phục những tồn tại ở một số đơn vị, địa phương khi có báo cáo về đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh.

- Nguyên nhân triển khai mua sắm chậm:

+ Nhiều đơn vị, địa phương đăng ký mua sắm tập trung chậm; hồ sơ đăng ký sai, thiếu sót phải điều chỉnh nhiều lần mất thời gian.

+ Công tác đấu thầu có lúc còn chậm, do phải xử lý các tình huống như thương thảo, đàm phán hợp đồng..

- Hướng khắc phục thời gian tới:

+ Sẽ chỉ đạo Sở Tài chính và đơn vị mua sắm tập trung rà soát lại danh mục mua sắm tập trung, đề xuất điều chỉnh danh mục mua sắm tập trung cho phù hợp.

+ Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tập trung và quản lý tài sản công.

2.5. Trong thời gian qua công tác quản lý nhà nước về vấn đề đảm bảo trật tự an toàn xã hội chưa toàn diện; còn bỏ sót nhiều vụ việc (*đánh bạc quy mô lớn trên địa bàn nhưng không phát hiện*); không tổ chức sơ kết, tổng kết, thiếp trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ; số xã, phường, thị trấn có tình trạng mua bán, tàng trữ ma túy nhiều, đã phát hiện và cảnh báo nhiều năm nhưng không có chuyển biến (*năm 2016 có 15 xã, 2019 có 160 xã*). Đề nghị UBND tỉnh có chỉ đạo quyết liệt khắc phục tình trạng trên.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

- Vấn đề đảm bảo trật tự, an toàn xã hội chưa toàn diện, nhất là công tác nắm tình hình, đấu tranh với tội phạm đánh bạc, nhiều vụ việc đánh bạc quy mô lớn nhưng không được phát hiện, triệt phá

Từ năm 2019 đến nay, Công an tỉnh tích cực tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tỉnh chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, huy động sức mạnh của toàn hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật¹. Tập trung lực lượng mở 05 đợt cao điểm tấn công trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; trấn áp quyết liệt các loại tội phạm liên quan tàng trữ, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ gây án, tội phạm liên quan đến “tin dụng đen”, tội phạm cướp, cướp giật, tội phạm đánh bạc... không để tình hình phức tạp. Nhờ triển khai quyết liệt các kế hoạch, biện pháp công tác nêu phạm pháp hình sự trên địa bàn được kiềm chế, kéo giảm, kịp thời phát hiện, đấu tranh triệt phá, làm tan rã nhiều nhóm tội phạm hình sự nguy hiểm; khám phá nhanh các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Năm 2019 xảy ra 747 vụ phạm pháp hình sự, giảm 3,11% số vụ (*747/771 vụ*) so năm 2019; 05 tháng đầu năm 2020, xảy ra 302 vụ giảm 6,21% số vụ (*302/322 vụ*) so cùng kỳ.

Trước tình hình, diễn biến tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan cờ bạc trên địa bàn tỉnh, nhất là cờ bạc truyền thống, Công an tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, chấn chỉnh các hình thức đánh bạc trái hình lợi dụng hoạt động vui chơi giải trí, các trò chơi dân gian; đồng thời triển khai hiệu quả các kế hoạch đấu tranh chuyên đề, trong đó tập trung công tác nắm tình hình, rà soát từng đối tượng, địa bàn, giao trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, địa phương đấu tranh, xử lý; qua đó đấu tranh tội phạm cờ bạc đạt nhiều kết quả tích cực, không để xảy ra phức tạp, kéo dài: Từ đầu năm 2019 đến nay, Công an tỉnh đã phát hiện 121 vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc, trong đó xử lý hình sự 65 vụ, 414 đối tượng; xử lý vi phạm hành chính 56 vụ; triệt phá nhiều tụ điểm, đường dây đánh bạc lớn, điển hình: Triệt phá đường dây tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng quy mô lớn, bắt, khởi tố 08 bị can; vụ triệt phá tụ điểm tổ chức đánh bạc, đánh bạc bằng hình thức đá gà, bắt 47 đối tượng...

- Vấn đề số địa bàn xã, phường, thị trấn có tình trạng mua bán, tàng trữ ma túy nhiều.

Năm 2019, toàn tỉnh có 1.363 đối tượng liên quan ma túy, trong đó 432 đối tượng trong các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trung tâm tư vấn và cai nghiện ma túy

¹ Chỉ thị 05/CT-UBND, ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh về công tác đảm bảo ANTT năm 2019; Chỉ thị 05/CT-UBND, ngày 09/5/2019 của UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Chỉ thị 06/CT-UBND, ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh về rà soát, chấn chỉnh các hình thức đánh bạc trái hình lợi dụng hoạt động vui chơi giải trí, các trò chơi dân gian; Kế hoạch số 03/KH-BCĐ, ngày 26/02/2019 về PCTP, TNXH và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2019; Kế hoạch số 04/KH-BCĐ, ngày 27/02/2019 về thực hiện Đề án Chuyên hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội năm 2019...

tỉnh và 931 đối tượng ở ngoài xã hội tại 130/220 xã phường, thị trấn của 17/17 huyện, thị xã, thành phố.

Với vai trò nòng cốt, lực lượng Công an đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy, đề xuất nhiều chủ trương, giải pháp, hướng dẫn các ngành, đoàn thể, địa phương phối hợp đầy mạnh công tác phòng, chống tội phạm ma túy (Kế hoạch số 2929/KH-UBND, ngày 20/9/2011 triển khai Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch quản lý người nghiện và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020; Chỉ thị số 15/CT-UBND, ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới; Kế hoạch số 2888/KH-UBND, ngày 17/12/2019 triển khai Chương trình hành động số 95-CTr/TU, ngày 05/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy). Đồng thời chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng, chống ma túy đầy mạnh công tác đấu tranh quyết liệt với tội phạm và tệ nạn ma túy, qua đó năm 2019 đã phát hiện, bắt giữ 278 vụ, 735 đối tượng tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép ma túy.

Tội phạm, tệ nạn ma túy là dạng tội phạm “ẩn”, nếu càng tập trung đấu tranh, thì phát hiện càng nhiều. Trong những năm qua lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống ma túy cung cố, nâng cao hiệu quả hoạt động. Giám đốc Công an tỉnh tăng cường chỉ đạo tập trung đấu tranh quyết liệt đối với tội phạm này nên số vụ, số đối tượng liên quan đến ma túy bị phát hiện, xử lý ngày càng tăng.

Địa bàn liên quan đến ma túy tăng, do một số nguyên nhân sau:

- + Tình hình di dân tự do đã kéo theo người dân ở những nơi khác đến, định cư, sinh sống trên địa bàn (*trong đó có không ít đối tượng ma túy*). Một số người làm ăn ở các tỉnh, thành phố nghiện ngập rồi trở về địa phương.

- + Một bộ phận thanh thiếu niên do nhận thức chưa đầy đủ về tác hại, thích thể hiện chứng tỏ bản thân; do thiếu sự quan tâm, chăm sóc, quản lý giáo dục từ các gia đình, cha mẹ nên tự mình hoặc bị lôi kéo sử dụng ma túy.

- + Hiệu quả, công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và quản lý sau cai nghiện chưa thực sự hiệu quả, nên tỷ lệ tái nghiện cao. Người nghiện sau khi cai nghiện xong dễ bị mặc cảm, xa lánh, tái nghiện khi về địa phương...

- + Lợi nhuận thu được từ mua bán, vận chuyển ma túy là rất lớn, thu hút các đối tượng tham gia hoạt động phạm tội; nhiều đối tượng chia nhỏ lượng ma túy để mua bán, tàng trữ phòng trường hợp bị bắt, xử lý thì mức án nhẹ.

- + Số đối tượng liên quan đến ma túy tăng, thì sẽ kéo theo địa bàn ma túy tăng theo (*vì theo tiêu chí xác định địa bàn có tệ nạn ma túy là địa bàn có người nghiện, đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy*). Ngoài ra, đối tượng ma túy thường không cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi địa bàn, mỗi nơi chỉ ở thời gian ngắn, vì vậy, tại thời điểm thống kê, xác định trên địa bàn có đối tượng ma túy thì địa bàn đó có tệ nạn ma túy nên việc thống kê chỉ mang tính chất tương đối.

Để phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả tội phạm và tệ nạn ma túy, kiềm chế, ngăn chặn sự lây lan của ma túy trong cộng đồng dân cư, kéo giảm địa bàn liên quan ma túy Công an tỉnh chủ động tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chỉ

đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành thực hiện công tác phòng, chống ma túy gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao². Trọng tâm là huy động các cấp, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả Dự án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy tại xã, phường, thị trấn” gắn với công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội; tập trung nâng cao năng lực, phát huy vai trò của UBND cấp huyện trong đấu tranh phòng, chống ma túy; đẩy mạnh phối hợp tuyên truyền tác hại, hệ lụy của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp dưới nhiều nội dung, hình thức phong phú, phù hợp với từng địa bàn, đối tượng nhất là đối tượng thanh thiếu niên, vùng DTTS; chủ động rà soát, lên danh sách, quản lý chặt chẽ người nghiện, tổ chức tốt công tác lập hồ sơ và cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và đưa 180 người nghiện đi cai nghiện bắt buộc; nhỏ bỏ, vận động nhân dân không trồng cây có chứa chất ma túy; triển khai các biện pháp nghiệp vụ nắm tình hình, lòng ghép mở 04 đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm và tệ nạn ma túy ngay tại địa bàn cơ sở.

2.6. Tình hình xét xử, khởi tố trong năm 2019 vô cùng phức tạp; qua dư luận xã hội phản ánh có hiện tượng bão kê trong các cơ sở Karaoke; việc các cấp chính quyền, cơ quan chức năng thờ ơ về vấn đề xã hội nên hiện nay trật tự an toàn xã hội phức tạp, nhất là tình trạng công dân khiếu nại kéo dài hành hung cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đề nghị UBND chỉ đạo cơ quan chức năng có giải pháp xử lý tình trạng nêu trên, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

- Về việc dư luận xã hội phản ánh có hiện tượng bão kê trong các cơ sở Karaoke:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.426 cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, 3.674 người làm nghề. Trong đó, có 199 cơ sở kinh doanh Karaoke với 489 người làm nghề. Từ năm 2019 đến nay, theo chức năng quản lý hành chính nhà nước, lực lượng Công an đã rà soát, tổ chức kiểm tra đột xuất 112 lượt cơ sở kinh doanh karaoke, phát hiện xử phạt 28 trường hợp, số tiền 141,9 triệu đồng, tước 02 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự và đình chỉ hoạt động 01 cơ sở. Qua theo dõi, các cơ sở kinh doanh cơ bản chấp hành nghiêm quy định, có nhiều chuyển biến trong công tác quản lý, điều hành, chủ động cung cấp thông tin có liên quan đến ANTT cho lực lượng Công an.

Tuy nhiên, gần đây xảy ra một số vụ đối tượng lợi dụng sơ hở trong quản lý của các cơ sở kinh doanh lưu trú, karaoke, bar để sử dụng trái phép chất ma túy³. Do đó, ngay từ đầu năm 2020, Công an tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các lực lượng tăng cường nắm

² Tham mưu Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh và ban hành Chương trình hành động số 95-CTr/TU, ngày 25/12/2019 thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2888/KH-UBND, ngày 17/12/2019 triển khai Chương trình hành động số 95-CTr/TU, ngày 05/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời giúp UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình, kết quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh từ sau tổng kết Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị đến cuối năm 2019 gắn với đánh giá việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND, ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh về tăng cường phòng, chống và cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới và quán triệt, triển khai sâu rộng Kế hoạch số 2888/KH-UBND.

³ Diễn hình: 02 vụ, 90 đối tượng (01 vụ 57 đối tượng, 01 vụ 33 đối tượng) dương tính với chất ma túy tại quán Bar S.E.F Lounge & Chill (Tp. Pleiku); vụ 11 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tại Karaoke Phi Thuyền (Tp. Pleiku); vụ 21 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại Karaoke Fly (Tp. Pleiku).

tình hình, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, tăng cường kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự nói chung, karaoke nói riêng, tập trung phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm liên quan ma túy trong cơ sở karaoke. Qua đó, phát hiện 18 vụ, bắt giữ 149 đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về ma túy trong cơ sở kinh doanh karaoke; thu hồi ngành nghề kinh doanh 01 quán bar vi phạm.

Thời gian tới, Công an tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, Công an địa phương tăng cường quản lý, kiểm tra các cơ sở kinh doanh cho thuê lưu trú, karaoke, cầm đồ... trên địa bàn toàn tỉnh. Tập trung thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nắm chắc tình hình, quản lý chặt số đối tượng từ nơi khác đến hoạt động, nghi vấn phạm tội và chủ động phát hiện, xử lý nghiêm các loại tệ nạn xã hội, nhất là hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và mại dâm.

Việc kiểm tra được thực hiện đột xuất, kết hợp kiểm tra với tuyên truyền, vận động chủ cơ sở phối hợp lực lượng Công an trong tổ giác các hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng khi lưu trú, hát karaoke để ngăn chặn, xử lý kịp thời; giúp họ nắm rõ chế tài xử lý để chấp hành đúng và cam kết không tái phạm. Kiên quyết xử lý tận gốc số cơ sở coi thường pháp luật, thường xuyên để xảy ra các vụ việc gây mất an ninh trật tự.

Đối với mỗi người dân, nếu phát hiện các cơ sở kinh doanh karaoke vi phạm pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa bàn cơ sở, đề nghị thông báo ngay cho lực lượng Công an để triển khai lực lượng kiểm tra, xử lý theo quy định, hạn chế các vụ việc phức tạp xảy ra.

- Về việc công dân khiếu nại kéo dài hành hung cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Qua theo dõi về tình hình công tác tiếp công dân tại các địa điểm tiếp công dân trên toàn tỉnh, Công an tỉnh chưa ghi nhận nào có hành vi đe dọa, hành hung đối với cán bộ tiếp công dân khi giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hiện trên địa bàn tỉnh có 09 đầu đơn khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn tỉnh⁴, một số trường hợp công dân như bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Lê Thị Thanh Tâm, ông Lê Văn Hùng... liên tục đến địa điểm tiếp công dân Công an tỉnh và Trụ sở tiếp công dân tỉnh Gia Lai yêu cầu, đề nghị được Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trả lời các nội dung liên quan đơn. Ngoài ra, một số vụ việc đã được Công an các đơn vị, địa phương thụ lý, giải quyết theo quy định nhưng tiếp tục không đồng ý và phát sinh đơn gửi đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài lực lượng gây phức tạp, kéo dài.

⁴ ⁽¹⁾Bà Nguyễn Thị Kim Oanh (123/23 Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, TP Pleiku, Gia Lai) liên quan vụ án "Giết người" xảy ra tại quán Bar Wonder, 67 Nguyễn Tất Thành, TP Pleiku vào ngày 09/10/2014. ⁽²⁾Bà Lê Thị Thanh Tâm (57 Nguyễn Biểu, phường Chi Lăng, TP Pleiku, Gia Lai) liên quan nội dung tố cáo đồng chí Phạm Văn Hòa - cán bộ Phòng PC11. Vụ việc đã được Phòng PC11 và Giám đốc Công an tỉnh ban hành kết luận giải quyết theo quy định. ⁽³⁾Ông Nguyễn Đức Tấn (Làng Hle Ktu, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, Gia Lai) liên quan nội dung vụ việc cỗ ý gây thương tích xảy ra vào ngày 10/01/2019. ⁽⁴⁾Ông Lê Văn Hùng (xã Ia Hru, huyện Chư Pah, Gia Lai) liên quan nội dung kiến nghị điều tra, xử lý đối với ông Nguyễn Cao Trí cầu kết bà Hồ Thị Hiền có hành vi làm giả tài liệu, chữ ký đối với bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng Giấy CNQSDD. ⁽⁵⁾Bà Nguyễn Thị Mạc (Thôn Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, Gia Lai) liên quan nội dung vụ việc cỗ ý gây thương tích xảy ra vào ngày 05/8/2015. ⁽⁶⁾Bà Tô Thị Cúc (TDP 12, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai) liên quan nội dung liên quan việc đền bù, giải phóng mặt bằng tại huyện Chư Sê và nội dung tố giác hành vi ném đá xảy ra ngày 05/11/2018, cho vay lãi nặng của bà Hoàng Thị Minh Ái. ⁽⁷⁾Ông Phạm Văn Thuyên (Thôn Ninh Hòa, xã Ia Boong, huyện Chư Prông, Gia Lai) liên quan nội dung tố giác ông Đinh Văn Thiện có hành vi đốt rây lâm chết 865 cây cà phê của ông Thuyên vào ngày 10/5/2016. ⁽⁸⁾Ông Phạm Ngọc Chính (xã Ia Boong, huyện Chư Prông, Gia Lai) liên quan nội dung tố giác ông Phạm Văn Nam, Rmah Blin có hành vi làm giả tài liệu, giấy tờ để chiếm đoạt tài sản. ⁽⁹⁾Bà Trịnh Thị Ngân (Đội 1, thôn 3, xã Nam Yang, huyện Đăk Đoa, Gia Lai) tố giác tố giác bà Ngô Thị Phương Dung – huyện Mang Yang có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với các vụ việc trên, Công an tỉnh thường xuyên chỉ đạo các lực lượng triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm tình hình để tham mưu, có biện pháp tuyên truyền, vận động, không để các đối tượng xấu kích động, lôi kéo tập trung đông người, nguy cơ xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự.

2.7. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và công tác điều hành của UBND các cấp, đề nghị:

a) Các sở, ngành chuyên môn khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện:

UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo Sở Công Thương tham mưu ban hành Quyết định nói trên. Tuy nhiên, sau khi gửi thẩm định của Sở Tư pháp, tại Văn bản số 727/STP-XD&KTVB ngày 17/6/2019 của Sở Tư pháp về việc phúc đáp Văn bản số 792/SCT-QLTM ngày 13/6/2019 của Sở Công Thương. Sở Tư pháp xác định: Nếu ban hành quyết định nêu trên sẽ vi phạm Khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định về hành vi bị nghiêm cấm: “*Quy định thủ tục hành chính trong..., quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp được giao trong luật.*” Do đó không thể ban hành quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, việc lựa chọn nhà đầu tư để triển khai các dự án (trong đó có các dự án chợ) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu thầu, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan về đất đai, quản lý, sử dụng tài sản công,... Các sở, ngành, địa phương căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên để triển khai thực hiện.

b) Nghiên cứu có chính sách hỗ trợ đối với diện tích người dân trồng rừng không thuộc diện tích quy hoạch 3 loại rừng tại Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh, nhằm động viên, khuyến khích người dân tham gia trồng rừng.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ trồng rừng là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng trên đất chưa có rừng năm trong quy hoạch 3 loại rừng.

Hiện nay, UBND tỉnh đang giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, điều chỉnh lại 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh. Đối với những diện tích phù hợp cho sản xuất lâm nghiệp về lâu dài; UBND các huyện, thị xã, thành phố làm việc thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đưa vào quy hoạch lâm nghiệp, làm cơ sở để hỗ trợ nhân dân tham gia trồng rừng.

Đối với việc trồng cây phân tán, cây che bóng mát trên diện tích đất không nằm trong đất lâm nghiệp; UBND cấp huyện sử dụng nguồn vốn từ các chương trình, dự án hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ cho người dân thực hiện.

c) Trong năm qua vẫn đề tai nạn giao thông liên quan đến xe công nông còn

nhiều, đề nghị UBND tỉnh cần có các giải pháp để hạn chế tai nạn giao thông liên quan đến xe công nông.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

Từ năm 2016 đến năm 2019 (04 năm liên tiếp), tỉnh Gia Lai giảm cả 3 chỉ số về tai nạn giao thông, đạt được kết quả trên là sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự vào cuộc triển khai đồng bộ các giải pháp của các cấp, các ngành. Năm 2019, toàn tỉnh xảy ra 376 vụ tai nạn giao thông, làm chết 235 người, bị thương 372 người; so với năm 2018 giảm 5,05% số vụ, giảm 5,24% số người chết và giảm 10,14% số người bị thương. Trong 6 tháng đầu năm 2020, xảy ra 167 vụ tai nạn giao thông, làm chết 120 người, bị thương 152 người; so với cùng kỳ giảm cả ba chỉ số, giảm 22 vụ (-11,64%), giảm 6 người chết (-4,76%), giảm 26 người bị thương (-14,61%). Tuy nhiên, tai nạn giao thông liên quan xe công nông tăng, trong khi công tác quản lý phương tiện này còn nhiều bất cập. Cụ thể: Xảy ra 25 vụ liên quan đến xe công nông, làm chết 20 người, bị thương 14 người; tăng 25% số vụ (*tăng 05 vụ*), tăng 33,33% số người chết (*tăng 05 người*), giảm 6,67% số người bị thương (*giảm 01 người*) so với 2018.

Trước tình hình trên, Công an tỉnh đã chỉ đạo, triển khai quyết liệt các giải pháp phòng ngừa, kéo giảm tai nạn giao thông nói chung, liên quan đến xe công nông nói riêng, qua đó đã góp phần kiềm chế, kéo giảm số vụ, số người chết và bị thương do các vụ tai nạn giao thông liên quan đến phương tiện này. Theo đó, 5 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh xảy ra 134 vụ tai nạn giao thông, làm chết 100 người, bị thương 123 người; trong đó xảy ra 06 vụ liên quan đến xe công nông, làm chết 05 người, bị thương 03 người; so cùng kỳ giảm 53% số vụ (*giảm 07 vụ*), giảm 37,5% số người chết (*giảm 03 người*), giảm 72,73% số người bị thương (*giảm 08 người*).

Nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc trong xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông đối với xe công nông:

- Gia Lai là tỉnh có địa hình nhiều đồi núi, thung lũng, cơ sở hạ tầng về giao thông đường bộ còn nhiều bất cập, hạn chế nên việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, xe công nông (*máy kéo nhỏ và xe máy phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp*) có giá thành rẻ, phù hợp với địa hình đồi núi, là phương tiện hữu ích phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp của người dân Tây nguyên nói chung, tỉnh Gia Lai nói riêng. Với nhiều công năng khác nhau như chở sản phẩm nông lâm nghiệp, phục vụ tưới tiêu, phun thuốc, xay xát, cày bừa, thuận tiện đi lại đối với mọi địa hình... do đó, được người dân chọn lựa, mua sử dụng.

- Mặc dù là phương tiện hữu ích nhưng hầu hết đều là xe cơ giới tự chế 5 không: không đăng ký, đăng kiểm; không giấy phép; không đèn chiếu sáng; không còi âm thanh và tài xế không có bằng lái. Mặc dù Nhà nước đã đẩy mạnh việc sản xuất, lắp ráp phương tiện thay thế nhưng đến nay vẫn chưa có loại phương tiện nào hữu dụng để thay thế xe công nông phù hợp với địa hình đồi núi của tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa quan tâm, chỉ đạo các ngành chức năng trong công tác quản lý xe công nông và hỗ trợ lực lượng Công an thực thi nhiệm vụ.

- Công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, lắp ráp xe độ chế, xưởng cơ khí tự ý cải tạo xe máy kéo nhỏ của các đơn vị chức năng còn thiếu quyết liệt nên số lượng các phương tiện xe máy kéo nhỏ ngày càng gia tăng.

- Trình độ dân trí, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, bất đồng về ngôn ngữ; nội dung tuyên truyền chưa phù hợp, chưa thu hút thanh niên, người DTTS tham gia... nên hiệu quả công tác vận động, tuyên truyền chưa cao; ý thức chấp hành pháp luật của chủ xe còn thấp, một số trường hợp cố tình vi phạm.

- Việc cấm xe lưu thông trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, khu đông dân cư là không khả thi, trong khi đó, cơ sở hạ tầng chưa có hệ thống đường tránh, đường nhánh nên họ không có tuyến đường khác để lưu thông.

- Hầu hết xe công nông trên địa bàn tỉnh không có hồ sơ gốc của xe, không có thông số kỹ thuật về số máy, số khung, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của Cục Đăng kiểm Việt Nam... nên không đủ các điều kiện để đăng ký, cấp biển số theo quy định, bên cạnh đó, người điều khiển xe máy kéo nhỏ đa số không có giấy phép lái xe... nên khi kiểm tra, xử lý vi phạm thì có rất nhiều lỗi vi phạm và tổng mức tiền phạt là rất cao. Khi tạm giữ phương tiện để phục vụ việc xử lý vi phạm thì người dân (*đa số là người đồng bào DTTS*) tập đông người gây áp lực và khó khăn cho việc xử lý, nên chủ yếu là tuyên truyền, giải thích, răn đe và yêu cầu người vi phạm ký cam kết là chủ yếu.

Một số giải pháp trong thời gian tới nhằm kiềm chế tai nạn giao thông liên quan đến xe công nông.

- Đối với lực lượng Công an:

+ Tiếp tục tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp lực lượng Công an tuyên truyền, vận động người dân ký cam kết tuân thủ các quy định pháp luật và chủ trương của UBND tỉnh về quản lý và xử lý xe công nông vi phạm; phối hợp giải quyết triệt để các trường hợp người vi phạm chống đối, tụ tập đông người...

+ Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đặc biệt đối với các hành vi điều khiển công nông vi phạm.

Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với xe công nông của lực lượng Công an chỉ là một trong các biện pháp nhằm phòng ngừa, kéo giảm tai nạn giao thông liên quan đến loại phương tiện này. Tuy nhiên, với những khó khăn, vướng mắc đã được đề cập ở trên thì lực lượng thực thi công vụ khó có thể triển khai quyết liệt biện pháp công tác này vì nó gây ảnh hưởng lớn đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất của người dân. Chỉ khi có một giải pháp đồng bộ, toàn diện, phù hợp được đặt ra, nhận được sự đồng tình, ủng hộ của người dân thì biện pháp tuần tra, kiểm soát với phát huy được hiệu quả thật sự.

- Kiến nghị, đề xuất:

+ UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các ngành chức năng, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát, thống kê, lập danh sách bổ sung chủ các phương tiện xe công nông và các cơ sở sản xuất, lắp ráp xe công nông trên từng địa bàn để quản lý; lắp đặt đèn chiếu sáng, biển phản quang cho xe công nông để phòng ngừa tai nạn giao thông, đồng thời tăng cường kiểm tra các cơ sở hành nghề sửa chữa xe công nông; sản xuất, lắp ráp thùng hàng kéo theo xe máy kéo nhỏ để xử lý theo quy định.

+ Đề nghị các cấp ủy Đảng tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, tổ chức phò

biển, quán triệt đến từng hộ gia đình có xe công nông hiểu rõ quy định của Chính phủ và UBND tỉnh có liên quan về xe công nông; yêu cầu các chủ xe công nông ký cam kết chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

d) UBND tỉnh và các sở, ngành chuyên môn nghiên cứu, kiến nghị với Trung ương sửa đổi, bổ sung Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ theo hướng điều chỉnh nội dung giao thẩm quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số dự án nhóm C, quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.. vì thực tế UBND cấp xã không đủ năng lực để thực hiện.

Kết quả thực hiện:

- Về nội dung này UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét báo cáo Thủ tướng chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP (tại các văn bản số 165/BC-KHĐT ngày 30/7/2018 và văn bản số 171/BC-KHĐT ngày 25/7/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư). Với nội dung là “Theo quy định tại điều 7, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP thì hình thức lựa chọn nhà thầu đối với các dự án áp dụng cơ chế đặc thù là tham gia thực hiện của cộng đồng. Nay đề nghị bổ sung thêm hình thức đấu thầu khi trên địa bàn xã không thể lựa chọn được tổ nhóm thợ và cộng đồng đủ năng lực để thực hiện”. Tuy nhiên tới nay các Bộ, ngành trung ương chưa điều chỉnh, bổ sung.

- Đối với việc giao thẩm quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số dự án nhóm C, quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP quy định giao thẩm quyền cho UBND cấp xã cụ thể: thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng, lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia cộng đồng, giám sát thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình. UBND tỉnh triển khai thực hiện giao thẩm quyền cho các xã theo đúng quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, qua các năm các xã đều triển khai hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

đ) Khi thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 và Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 “Về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai” sẽ phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân. Đề nghị UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương khảo sát, thống kê, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ, hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống.

Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay:

UBND tỉnh ban hành văn bản số 57/UBND-NC ngày 08/01/2019 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh, văn bản số 1800/UBND-NC ngày 16/8/2019 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết những nội dung công việc ở cơ sở có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính có liên quan do sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh phân công để hướng dẫn, giải quyết những nội dung công việc ở cơ sở có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách; nhìn chung đến nay cơ bản đã ổn định, chưa thấy có ý kiến liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-

HĐND ngày 06/12/2018 và Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh.

Trên đây là kết quả thực hiện một số nội dung kết luận của Chủ tọa kỳ họp (*phiên thảo luận - chất vấn*) tại các Kỳ họp HĐND tỉnh khóa XI, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, địa phương liên quan (thực hiện);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, NL, CNXD, KGVX, NC, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KÝ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông